TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2019/HS-ST
Ngày: 24-7-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hải- Hội cựu chiến binh thành phố Cao Lãnh

Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng- Hội cựu giáo chức thành phố Cao Lãnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 53/2019/TLST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên**:** Trần Văn T, sinh ngày 14/6/2002; Nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp; Hộ khẩu thường trú: Tổ A, ấp B, xã MT, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn Giáo: không; Nghề ngiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị C; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con lớn trong gia đình; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ: Không; Bắt tạm giam: 26/4/2019. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Trần Văn T là:

1/ Trần Văn H, sinh năm 1978 – Cha ruột. (vắng mặt).

2/ Nguyễn Thị C, sinh năm 1979 – Mẹ ruột (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo là: Bà Lê Hồng D- Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

- Người bị hại:

1/ Lê Đặng Xuân N, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: số A,đường B, khóm C, phường D, Thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

2/ Nguyễn Thanh H, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ A, khóm B, phường C, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

- Người làm chứng:

1/ Trần Phú Th, sinh năm 1985(vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã MT, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

2/ Võ Hữu Ng, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.

3/ Phạm Nam Kh, sinh năm 2004 (vắng mặt).

Người giám hộ: Phan Thị An S, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số A,đường B, khóm C, phường D, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

4/ Nguyễn Minh Kh, sinh năm 2003 (vắng mặt).

Người giám hộ Phạm Thị H, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: tổ A, ấp B, xã MT, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt N sau:

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 13/01/2019, trong lúc đang cùng với Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 06/6/2005 chạy xe đạp chơi vòng quanh khu vực công viên Văn Miếu, khi đến đoạn đường Võ Trường T, thuộc khóm A, phường B, thành phố Cao Lãnh thì T và Kh phát hiện xe mô tô hiệu Wave anpha màu trắng, biển số 66P1-473.31 có treo 01 nón bảo hiểm màu xanh của chị Lê Đặng Xuân N, sinh năm 1996, ngụ khóm A, phường B, thành phố Cao Lãnh, cùng xe mô tô hiệu Sirius màu đen, biển số 60B8-987.08 của anh Võ Hữu Ng đang đậu trên vỉa hè không có người trông coi. Lúc này, T nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô bán lấy tiền tiêu xài cá nhân nên rủ Kh cùng thực hiện, Kh đồng ý. Sau đó Kh đi trả xe đạp cho bạn của Kh rồi cùng T đi bộ đến địa điểm cách xe của chị N Khng 50 mét, T đứng cảnh giới và kêu Kh vào lấy trộm xe.

Kh đi bộ vào lén lút dẫn bộ xe của chị N đến chỗ T, rồi cả hai thay phiên nhau dẫn bộ xe mô tô vừa lấy trộm được đi về hướng nhà T. Do sợ đem về nhà sẽ bị gia đình phát hiện nên T và Kh dẫn xe vào nhà người quen của T là Nguyễn Thanh H, tại tổ A, ấp B, xã C, huyện Cao Lãnh cách nhà T 02 km xin ngủ nhờ (T không nói gì cho H biết về chiếc xe).

Đến khoảng 08 giờ 00 ngày 13/01/2019, cả hai thức dậy mang xe đến tiệm sửa xe Ch của anh Trần Phú Th, tại ấp B, xã MT, thành phố Cao Lãnh và nói là xe bị mất chìa khóa, yêu cầu mở khóa, mở cốp xe để sử dụng. Sau khi mở khóa và cốp xe, T điều khiển xe chở Kh đi tìm nơi tiêu thụ. Đi được khoảng 500 mét thì T dừng xe lại mở cốp phát hiện bên trong có 01 bọc nylon màu đen và 01 ví da, T mở bọc nylon thấy bên trong có tiền nên lấy ra chia cho Kh một sấp có số lượng ít và cất giấu sấp tiền còn lại có số lượng nhiều hơn vào túi quần. T lấy ví da kiểm tra thấy bên trong có 01 tờ tiền Mỹ mệnh giá 20 đô la; 01 tờ tiền Singapore mệnh giá 2 đô la Singapore; 02 tờ tiền Campuchia, mỗi tờ mệnh giá 100 Ria; 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 giấy bảo hiểm xe cùng mang tên Lê Đặng Xuân N, T để tiền và giấy tờ vào ví

da và để vào cốp xe rồi tiếp tục điều khiển chở Kh đi tìm nơi tiêu thụ. Khi đi được khoảng 500 mét thì bị Công an thành phố Cao Lãnh kiểm tra phát hiện bắt giữ cùng toàn bộ tang vật N đã nêu trên, đồng thời thu giữ trên người của Trần Văn T 2.236.000 đồng; thu giữ trên người của Nguyễn Minh Kh 885.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 21/KL-ĐGTS ngày 28/01/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Cao Lãnh kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave anpha màu trắng, biển số 66P1-473.31, đã qua sử dụng trị giá: 12.000.000 đồng; 01 nón bảo hiểm màu xanh (đã qua sử dụng) và 01 ví da màu đen (đã qua sử dụng) không có giá trị.

Tại công văn số 24/TCKH ngày 11/02/2019 của Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố Cao Lãnh cung cấp tỉ giá ngoại tệ ngày 13/01/2019 N sau: 20 đô la Mỹ trị giá 465.000 đồng; 02 đô la Singapore trị giá 34.548 đồng; 100 Ria Campuchia không có giao dịch ngoại tệ.

N vậy, tổng giá trị tài sản T và Kh chiếm đoạt của chị N là 15.620.648 đồng.

Trong lúc Cơ quan điều tra đang khởi tố áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú để điều tra xử lý đối với T, thì vào khoảng 21 giờ ngày 14/3/2019 T đến khu vực công viên Văn Miếu chơi và gặp Phạm Nam Kh, sinh ngày 15/8/2004 cùng một thanh niên tên Phúc (chưa rõ họ tên, địa chỉ). Tại đây, Phúc rủ T và Kh đi tìm xe mô tô trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài, T và Kh đồng ý. Đến khoảng 03 giờ ngày 15/3/2019, Phúc phát hiện xe mô tô biển số 66F6-2456 để của anh Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1995, ngụ tổ A, khóm B, phường C, thành phố Cao Lãnh đang nằm ngủ bảo vệ nhà cổ, tại khóm A, phường B, thành phố Cao Lãnh nên nói cho T và Kh biết cùng nhau lấy trộm, tất cả đồng ý. Ph kêu T và Kh chạy xe đạp đi chỗ khác cảnh giới để Phúc vào lấy trộm xe của anh H.

T và Kh đi cách chỗ để xe khoảng 50 mét đứng canh gác thì Phúc vào dẫn bộ xe của anh H đến chỗ của T và Kh rồi cả nhóm thay nhau dẫn xe về hướng nhà của T. Khi đến đoạn cách nhà của T khoảng 400 mét, thuộc ấp 2, xã MT, thành phố Cao Lãnh thì T kêu Ph và Kh giấu xe vào bụi chuối ở khu đất trống rồi T về nhà ngủ, còn Kh và Ph đi vào quán cà phê võng gần đó ngủ.

Đến khoảng 05 giờ 30 ngày 15/3/2019, quần chúng nhân dân phát hiện xe mô tô biển số 66F6-2456 tại khu đất trống không có người quản lý nên trình báo Công an xã MT đến thu giữ chiếc xe. Qua điều tra xác minh, xác định được xe mô tô là của anh Nguyễn Thanh H bị T cùng các đồng phạm lấy trộm mang về cất giấu nên làm việc với T và T đã thừa nhận toàn bộ hành vi N nội dung trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 56/KL-ĐGTS ngày 03/4/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Cao Lãnh đã kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu LUCKY, Dream màu nâu, biển số 66F6-2456, đã qua sử dụng trị giá 4.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã trả lại toàn bộ tài sản đã thu hồi được cho các bị hại. Chị N và anh H không yêu cầu T, Kh, Kh phải bồi thường gì thêm, các bị hại không yêu cầu xử lý hình sự đối với T.

Tại Cơ quan điều tra, T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của minh, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại cáo trạng số 54/CT-VKSND-TPCL ngày 12-06-2019 truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân nhân thành phố Cao Lãnh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo N cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 91 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T với mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản thu hồi trả lại bị hại xong, không có yêu cầu gì khác nên không đặt vấn đề xử lý.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm và viện dẫn các tình giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự xin xét xử cho bị cáo mức án thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định N sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện phù hợp pháp luật.

[2] Những chứng cứ xác định có tội, cấu thành tội phạm và điều luật áp dụng:

Đây là vụ án "Trộm cắp tài sản" do Trần Văn T lén lút chiếm đoạt của chị N 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave anpha màu trắng, biển số 66P1-473.31; Tiền Việt Nam và ngoại tệ, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 15.620.648 đồng của chị Lê Đặng Xuân N vào khoảng 01 giờ 30 phút ngày 13/01/2019, tại khu vực công viên VM trên đường Võ Trường T, thuộc khóm A, phường B, thành phố Cao Lãnh. Ngoài ra, T lén lút chiếm đoạt của anh Nguyễn Thanh H 01 xe mô tô nhãn hiệu LUCKY, Dream màu nâu, biển số 66F6-2456 có giá trị 4.000.000 đồng vào khoảng 03 giờ 00 phút ngày 15/3/2019 tại nhà cổ công viên VM, thuộc khóm A, phường B, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Lời khai nhận của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, lời luận tội của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa cho rằng bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản" N Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ nên chấp nhận. Bị cáo thừa nhận lời luận tội của Kiểm sát viên là đúng người, đúng tội, đúng với tính chất, mức độ và hành vi của bị cáo gây ra.

Bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật Nng vẫn thực hiện chứng tỏ việc phạm tội của bị cáo là cố ý và tội phạm đã hoàn thành.

Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng Nng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2...

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Do đó, cần phải áp dụng cho bị cáo một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để có thời gian học tập, cải tạo, trở thành người tốt có ích cho gia đình và xã hội sau này. Đồng thời, cũng để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã thật thà khai báo tỏ ra ăn năn hối cải, được bị hại bãi nại không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo; khi bị cáo phạm tội khi đủ 16 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi. Do đó cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Phạm tội 02 lần trở lên, xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội, quy định tại điểm g, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Người bào chữa có đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản xong không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đặt vấn đề giải quyết.

[4] Các vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Minh Kh cùng với T cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị N vào ngày 13/01/2019, tính đến thời điểm phạm tội được 13 tuổi 07 tháng 07 ngày; Phạm Nam Kh cùng với T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh H vào ngày 15/3/2019, tính đến thời điểm phạm tội được 14 tuổi 07 tháng. Tại thời điểm phạm tội Kh và Kh chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra không đề cặp xử lý là có căn cứ.

Đối với người thanh niên tên Ph, do không biết rõ được tên họ và địa chỉ cụ thể nên chưa tiến hành làm việc được, khi nào tìm được sẽ điều tra làm rõ xử lý sau.

[5] Về án phí: Bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 91 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày 26-4-2019.

* Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản xong không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đặt vấn đề giải quyết.

* Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo; người đại diện hợp pháp bị cáo; người bào chữa bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Riêng bị hại vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Tùng

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TPCL;
- VKDND tỉnh Đồng Tháp;
- CQĐT Công an TPCL;
- CQTHAHS Công an TPCL;
- Trại tạm giam CA tỉnh ĐT;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.